

Bản án số: 378/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Diệu Hà

2/ Bà Trần Thị Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1368/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Bá H. Sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 113 Quân Sự, Phường N, Quận P, Thành phố M.

Bị đơn: Bà Tu T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Quốc tịch: Canada

Địa chỉ: 41 Belford Cres Markham Ont L3S 4K3, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/4/2017, bản tự khai ngày 20/6/2017 của nguyên đơn ông Trần Bá H trình bày:

Ông và bà Tu T tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1346, Quyền số 7 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2001. Sau khi kết hôn, vào tháng 6/2003 ông xuất cảnh sang Canada đoàn tụ cùng bà Tu T. Trong quá trình Chung sống ông nhận thấy hai vợ chồng không hòa hợp về tính cách và lối sống nên giữa ông và bà Tu T thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông và bà Tu T mỗi người sống một nơi,

hai bên không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2003 cho đến nay. Do không có điều kiện chung sống và vun đắp tình cảm gia đình nên không có khả năng đoàn tụ với nhau. Do đó, ông H làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị được ly hôn với bà Tu T để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Bá H khai không có.

Ông Trần Bá H xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Bà Tu T được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và ngày, giờ mở phiên tòa nhưng việc tổng đạt này không thực hiện được do Cơ quan có thẩm quyền của Canada đã nỗ lực nhưng không thực hiện được ủy thác tư pháp cho bà Tu T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Trần Bá H khai không còn tình cảm với bà Tu T, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của ông Trần Bá H có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông Trần Bá H khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Bá H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Bá H.

Đối với bà Tu T, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho bà Tu T theo quy định pháp luật nhưng việc tổng đạt không thành. Do đó Tòa án tiến hành thủ tục đăng Thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa ông Trần Bá H và bà Tu T trên Cổng thông tin điện tử và đồng thời niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Ottawa, Canada. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Tu T không có văn bản trả lời và vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tu T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Bá H và bà Tu T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1346, Quyển số 7 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Bá H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Tu T định cư ở Canada. Sau khi kết hôn, vào tháng 6/2003 ông Trần Bá H xuất cảnh sang Canada đoàn tụ cùng bà Tu T. Trong quá trình Chung sống ông Trần Bá H nhận thấy hai vợ chồng không hòa hợp về tính cách và lối sống nên giữa ông Trần Bá H và bà Tu T thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai bên không còn chung sống với nhau. Do không có điều kiện chung sống và vun đắp tình cảm gia đình nên không có khả năng đoàn tụ với nhau. Nay ông Trần Bá H xác nhận không còn tình cảm với bà Tu T, xét hiện nay mỗi người sống một nơi từ tháng 9/2003 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không có điều kiện hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông Trần Bá H xin ly hôn bà Tu T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Trần Bá H khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Bá H khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Ông Trần Bá H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Do Cơ quan có thẩm quyền của Canada đã nhận được chi phí thực tế ủy thác tư pháp do ông Trần Bá H trực tiếp chuyển khoản. Ông Trần Bá H đã đóng đủ.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Trần Bá H và bà Tu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Bá H được ly hôn với bà Tu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1346, Quyền số 7 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần Bá H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0034321 ngày 31/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Bá H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Bá H đã đóng đủ.

7. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Bá H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Tu T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Thiên Hương